

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 28 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 366/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:59/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số:53/2023/QĐST -DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q ; địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower – 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Chế Thanh, sinh năm 1998; thường trú: 317, ấp 2, Long T, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, tòa nhà Pax Sky, 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982 và bà Hà Thị Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: 38 Nguyễn Thị T, khu phố Tân P, phường Tân B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/03/2021 lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Chế T trình bày:

Ngày 02/7/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (viết tắt VIB) Phòng Giao dịch Thống Nhất ký với ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ vay số tiền 628.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: mua ô tô mới 100% nhãn hiệu CHEVROLET TRAILBLAZER; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 04/7/2019 đến ngày 03/7/2026, Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm. Hàng tháng thanh toán tiền gốc là 7. 476.000 đồng cùng với ngày trả lãi. Số tiền còn lại thanh toán vào kỳ cuối cùng. Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 03/08/2019. Hàng tháng ngày trả lãi là ngày 03 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng VIB đã giải ngân cho ông Nguyễn Xuân T và Hà Thị Đ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 8258017.19 ngày 03/7/2019 với số tiền 628.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của ông T , bà Đ và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Khoản vay trên của ông T, bà Đ được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3146956.19 ngày 02/7/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bên thế chấp là ông Nguyễn Xuân T và vợ là bà Hà Thị Đ, tài sản nhận chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Trailblazer, số khung MMM156ELOKH630850, số máy LKHG182621128, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100252 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/2019 cho ông Nguyễn Xuân Thắng, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3146956.19 ngày 02/7/2019 là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019 là tài sản bảo đảm mà VIB đã ký kết với ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, VIB đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 13/12/2022, ông Nguyễn Xuân T và Hà Thị Đ đã thanh toán cho VIB được số tiền là 195.991.753 đồng (trong đó nợ gốc là 119.616.000 đồng và nợ lãi là 76.375.753 đồng) và còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền: 699.095.244 trong đó nợ gốc là 508.384.000 đồng và nợ lãi là 190.711.244 đồng.

Hiện nay, VIB đã thu giữ tài sản bảo đảm của ông T, bà Đ căn cứ vào các nội dung quy định tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp, theo đó ông T, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho VIB từ ngày 03/12/2020, tính đến thời điểm hiện tại ông T, bà Đ đã quá hạn 750 ngày (Điều 9.1.1), VIB đã thực hiện thông báo nhắc nợ và tạo điều kiện cho khách hàng, tuy nhiên ông T, bà Đ vẫn không phối hợp để xử lý khoản vay. Hợp đồng thế chấp hai bên có thỏa thuận nội dung về xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra sự kiện vi phạm như sau:

“9.2.2 Bên A có toàn quyền lựa chọn một hoặc nhiều phương thức trong các phương thức xử lý TSDB sau mà không phụ thuộc vào sự đồng ý của Bên B

và bên B bằng Hợp đồng này đồng ý không hủy ngang với bất kỳ lựa chọn nào của Bên A dưới đây:

(a) Bên A thu giữ hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thu giữ TSBĐ (bao gồm toàn bộ giấy tờ sở hữu đi kèm);

(b) Bên A bán đấu giá hoặc ủy quyền cho bên thứ ba bán đấu giá TSBĐ;

(c) Bên A tự bán/chuyển nhượng TSBĐ hoặc ủy quyền cho bên thứ ba bán/chuyển nhượng TSBĐ;

(d) Bên A nhận chính TSBĐ thay thế nghĩa vụ được bảo đảm;

(e) Bên A nhận các khoản thanh toán của bất kỳ bên thứ ba nào để trả lại TSBĐ cho bên B;

(f) Bên A xử lý bằng các phương thức khác theo quy định của pháp luật”

Do đó, VIB đã thu hồi, đang quản lý và tiến hành các thủ tục xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để giải quyết dư nợ của ông T, bà Đ đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019. Vì vậy, VIB không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bảo đảm.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2023 số tiền là: 743.319.780 đồng, trong đó nợ gốc là 508.384.000 đồng và nợ lãi là 234.935.780 đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ trả xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ : Đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn và theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Đối với Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Xuân T

và bà Hà Thị Đ là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ số tiền vay 628.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 03/7/2019 thời hạn của khoản vay này là 84 tháng kể từ ngày 03/7/2019. Đây là hình thức vay trả gốc, lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng đối với khoản vay này, ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ đã trả được 195.991.753 đồng (trong đó tiền gốc là: 119.616.000 đồng và tiền lãi là: 76.375.753 đồng). Từ tháng 12/2020 ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ. Các bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ về nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ .

[2.2] Về tài sản bảo đảm: Khoản nợ trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số:3146956.19 ngày 02/7/2019 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bên thế chấp ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ ; tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet Trailblazer, số khung MMM156ELOKH630850, số máy LKHG182621128; Biển số: 61A – 634.72; tên chủ xe Nguyễn Xuân T. Tài sản trên hiện nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã thu hồi và đang quản lý. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp. Phía bị đơn Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/03/2023 nhưng ông T, bà Đ vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1, Điều 5 Bộ luật Tố Tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền chi phí tố tụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã tạm ứng là: 3.618.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, Điều 317 và Điều 318 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019 tính đến ngày 28/4/2023 là 743.319.780 đồng; (trong đó nợ gốc là 508.384.000 đồng và nợ lãi là 234.935.780 đồng).

- Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8581548.19 ngày 02/7/2019.

2. Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền chi phí tố tụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã tạm ứng là: 3.618.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hà Thị Đ phải chịu 33.732.791 (ba mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 12.783.721 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000742 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

